TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:123/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà La Thị Thu Nga.

2. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Quốc H, sinh năm: 1987 (vắng mặt, có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Ấp 6, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Thiều Thị H, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

HKTT: Ấp 6, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ nơi ở: Ấp BC, xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Lê Quốc H trình bày:

Ông Lê Quốc H xây dựng gia đình với Bà Thiều Thị H vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa ông H và bà H hạnh phúc, đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Ông H và bà H đã cố

gắng khắc phục những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng tình hình không có gì thay đổi.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông H và bà H có 01 con chung tên Lê Thiều Thiên M, sinh ngày 28/01/2019, hiện con chung đang sống với bà H. Ông H đồng ý để bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập Bà Thiều Thị H đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng bà H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại các phiên tòa bà H đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật. Vụ án còn để kéo dài quá thời hạn xét xử, mà chưa có quyết định gia hạn là còn thiếu sót, Tòa án cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Ông Lê Quốc H yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với Bà Thiều Thị H đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn Bà Thiều Thị H có nơi cư trú tại huyện XM theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng Bà Thiều Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà H vắng mặt không có lý do, Ông Lê Quốc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt ông H, bà H là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quốc H và Bà Thiều Thị H xây dựng gia đình vào năm 2018 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 63, đăng ký ngày 15/6/2018 tại UBND xã HH,

huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông H cho rằng vào năm 2020, ông H và bà H phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vả, mặc dù ông H và bà H đã cố gắng khắc phục những mâu thuẫn giữa vợ, chồng nhưng tình hình không có gì thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà H.

Kết quả xác minh tại địa phương: Về tình trạng hôn nhân giữa Ông Lê Quốc H và Bà Thiều Thị H có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm được, do không có sự trình báo cũng không hòa giải ở cơ sở. Bà H thỉnh thoảng có quay về nhà cha mẹ đẻ ở Ấp BC, xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sinh sống. Còn ông H, chồng bà H là ai và đang ở đâu thì địa phương không rõ. Nay ông H có yêu cầu ly hôn, địa phương không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của ông H cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra ông H và bà H phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái nhưng từ khi ông H gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được. Bà H vắng mặt không lý do, ông H có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà H. Từ đó cho thấy không H và bà H không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của ông H và bà H thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà H.

[3] Về con chung: Ông Lê Quốc H và bà Thiều Thị H có 01 con chung tên Lê Thiều Thiên M, sinh ngày 28/01/2019. Ông H đồng ý để bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu của ông H về việc nuôi dưỡng con chung cho thấy: Từ khi ông H nộp đơn, Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án cho đến nay, bà H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc ông H đồng ý để bà Hương được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét, hiện nay con chung đang sống cùng bà H, được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng; Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, cũng như để ổn định, không gây xáo trộn cuộc sống của con chung nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là Lê Thiều Thiên M cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện tại bà H chưa có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án chưa xem xét. Tuy nhiên, ông H tự nguyện

cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của ông H, việc này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nếu sau này các bên có tranh chấp về vấn đề nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ án khác, khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Quốc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, Ông Lê Quốc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ông Lê Quốc H đối với bà Thiều Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quốc H được ly hôn với bà Thiều Thị H.

2. Về con chung: Ông Lê Quốc H và Bà Thiều Thị H có 01 con chung tên Lê Thiều Thiên M, sinh ngày 28/01/2019. Giao con chung cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Ông Lê Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Quốc H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Lê Quốc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng ông H phải nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008769 ngày 8/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã HH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo